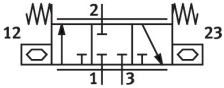


# Van Piezo

## VEMP-BS-3-16-D5-F-28T1

Số bộ phận: 8065738

FESTO



### Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                                          |
|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| Kích cỡ gói                                                | 1                                                                                |
| Lưu ý về mức độ bảo vệ                                     | Tùy thuộc vào khối kết nối                                                       |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 18 l/ph                                                                          |
| Lưu lượng định mức thông thường 2-3                        | 19 l/ph                                                                          |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                                              |
| Áp suất vận hành định mức                                  | 0.5 bar                                                                          |
| Áp suất vận hành                                           | 0 bar...0.7 bar                                                                  |
| Chức năng van                                              | Van 3/3 một coil , đóng                                                          |
| Chiều rộng định mức                                        | 1.6 mm                                                                           |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                                                             |
| Cổng nối khí nén 1                                         | Mặt bích                                                                         |
| Cổng nối khí nén 2                                         | Mặt bích                                                                         |
| Cổng nối khí nén 3                                         | Mặt bích                                                                         |
| Môi chất                                                   | Khí trơ<br>Khí<br>Oxy (chỉ ứng dụng oxy theo IEC 60601-1 khi có yêu cầu)<br>Nitơ |
| Tính chất đặc biệt                                         | Tương thích oxy theo DIN EN 1797                                                 |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [5:3:1]                                             |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Không thể hoạt động bằng dầu                                                     |
| Độ mịn bộ lọc                                              | 5 µm                                                                             |
| Độ ẩm tương đối                                            | 0 - 70 %<br>không cô đặc                                                         |
| Điểm sương tại áp suất                                     | -20 °C                                                                           |
| Tần số chuyển mạch tối đa                                  | 5 Hz                                                                             |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -20 °C...60 °C                                                                   |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -20 °C...70 °C                                                                   |
| Nhiệt độ bảo quản                                          | -20 °C...70 °C                                                                   |
| Điện áp hoạt động danh định DC                             | 310 V                                                                            |
| Dải điện áp hoạt động DC                                   | 0 V...310 V                                                                      |
| Tiêu thụ điện tối đa                                       | 5 mA                                                                             |
| Mức tiêu thụ năng lượng điện tối đa                        | 1 mW                                                                             |

| Đặc tính                               | Giá trị                                  |
|----------------------------------------|------------------------------------------|
| trọng lượng sản phẩm                   | 8 g                                      |
| Vật liệu của phốt                      | EPDM                                     |
| Vật liệu vỏ                            | PA gia cố                                |
| Vật liệu phủ                           | PA gia cố                                |
| Ghi chú vật liệu                       | Tuân thủ RoHS                            |
| Kích thước lưới                        | 17.2 mm                                  |
| Kích thước B x L x H                   | 17,2 mm x 52,1 mm x 7,2 mm               |
| Kiểu gắn                               | Trên ray gắn van cụm<br>trên tấm kết nối |
| Vị trí lắp đặt                         | bất kì                                   |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)    | theo chỉ thị điện áp thấp của EU         |
| Tuân thủ LABS                          | VDMA24364-B2-L                           |
| Báo cáo độ sạch bề mặt theo tiêu chuẩn | ASTM G63<br>ASTM G93<br>ISO 15001        |
| Tương thích sinh học theo tiêu chuẩn   | ISO 18562                                |